

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/DS-ST

Ngày: 13-5-2022

“V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trung Tính.

2. Ông Nguyễn Vạn Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Kương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 508/2021/TLST-DS ngày 27/10/2021 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-DS ngày 29/3/2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn U, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số ấp HMD, xã LHA, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông U: Chị Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số khóm BPQ, thị trấn LV, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2021); (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Hồ Thị Đoàn T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số ấp TB, xã TKT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Huỳnh Văn U là chị Lê Thị Mỹ T trình bày:

Ông Huỳnh Văn U với bà Hồ Thị Đoan T không có mối quan hệ bà con thân thích, mà việc ông U cho bà T vay tiền là do người em tên Thẩm gần nhà ông U giới thiệu. Ông U cho bà T vay tổng cộng là 07 lần cụ thể như sau: Lần thứ 01: Vào ngày 24/5/2019, ông U cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng; Lần thứ 02: Vào ngày 16/6/2019, ông U cho bà T vay số tiền 150.000.000 đồng; Lần thứ 03: Vào ngày 21/6/2019, ông U cho bà T vay số tiền 150.000.000 đồng (nhận tiền 02 lần); Lần thứ 04: Vào ngày 24/8/2019, ông U cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng; Lần thứ 05: Vào ngày 25/10/2019, ông U cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng; Lần thứ 06: Vào ngày 15/11/2019, ông U cho bà T vay số tiền 300.000.000 đồng; Lần thứ 07: Vào ngày 23/11/2019, ông U cho bà T vay số tiền 250.000.000 đồng.

Trong 07 lần vay tiền, ông U với bà T thỏa thuận bằng lời nói là lãi suất 03%/tháng/1.000.000 đồng. Thời hạn vay của các lần 1, 4, 5, 6, 7 là thỏa thuận 02 tháng sẽ trả; còn lần vay 2 và 3 là thỏa thuận 03 tháng sẽ trả. Đối với các lần vay từ lần 1 đến lần 5, ông U giao tiền cho bà T ở Tòa nhà Pico Plaza tọa lạc tại số 20, đường Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Còn các lần vay 6 và 7, ông U giao tiền cho bà T ở nhà của bà T thuê tại số 52/2/6, Đường số 18, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi bà T cần vay tiền thì liên hệ qua điện thoại với ông U trước, rồi bà T tự viết sẵn nội dung giấy mượn tiền. Sau đó, bà T với ông U hẹn ra quán cà phê ở Tòa Pico Plaza rồi ông U kiểm tra nội dung giấy mượn tiền đúng số tiền cho vay và đúng chữ ký tên của bà T thì ông U mới đưa tiền cho bà T. Chữ viết “2 tháng” trong Giấy mượn tiền đề ngày 24/5/2019 và chữ viết “Thời hạn trả 3 tháng” trong Giấy mượn tiền ngày 16/6/2019 là do bà T viết; Còn chữ viết “Thời hạn 2 tháng” trong các Giấy mượn tiền ngày 25/10/2019, 15/11/2019 và 23/11/2019 là do ông U viết. Tương tự như 5 lần vay trước, đối với lần vay 6 và 7, khi bà T cần vay tiền thì liên hệ qua điện thoại với ông U trước, rồi bà T tự viết sẵn nội dung các Giấy mượn tiền đề ngày 15/11/2019 và 23/11/2019. Sau đó, bà T kêu ông U qua nhà bà T thuê tại số 52/2/6, Đường số 18, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh rồi ông U kiểm tra nội dung giấy mượn tiền đúng số tiền cho vay và đúng chữ ký tên của bà T nên ông U mới giao tiền cho bà T.

Đối với nội dung phía dưới Giấy mượn tiền ngày 24/5/2019 có ghi nội dung “24/8/2019, 50.000.000 (Năm mươi triệu), tổng cộng: (150.000.000) một

trăm năm mươi triệu đồng” là do vào ngày 24/8/2019 bà T vay thêm số tiền 50.000.000 đồng nên bà T viết thêm nội dung phía dưới Giấy mượn tiền đề ngày 24/5/2019 với nội dung như vậy. Tuy bà T không có ký tên xác nhận nhưng bà T có ghi nội dung tổng cộng 150.000.000 đồng. Số tiền 50.000.000 đồng cộng với số tiền 100.000.000 đồng của Giấy mượn tiền ngày 24/5/2019 thành 150.000.000 đồng. Tương tự, đối với nội dung Giấy mượn tiền ngày 21/6/2019 có ghi thêm phần mực màu tím với nội dung “+ 100.000tr (Một trăm triệu) TC: 150.000tr (Một trăm năm mươi triệu” là do bà T có nhu cầu vay tiền thêm và năn nỉ ông U, cho nên ông U mới cho bà T vay thêm vào cùng ngày 21/6/2019 nhưng khác thời điểm giao tiền, do đó bà T mới viết thêm nội dung như trên vào Giấy mượn tiền ngày 21/6/2019. Tuy bà T không có ký tên xác nhận riêng đối với số tiền vay thêm 100.000.000 đồng nhưng bà T có ghi nội dung tổng cộng 150.000.000 đồng và phía dưới Giấy mượn tiền đề ngày 21/6/2019 bà T cũng đã có ký xác nhận.

Nguyên nhân bà T chưa trả tiền vốn, tiền lãi cho ông U mà ông U lại cho bà T vay liên tục trong khoảng thời gian ngắn là do bà T được người em của ông U giới thiệu, gia đình bà T cũng gặp ông U hứa trả và bà T làm nhân viên tín dụng ở Bộ phận kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên Tài chính Prudential Việt Nam nên ông U tin tưởng khi bà T nói cần tiền để chạy chỉ tiêu rồi sau đó sẽ trả hết tiền vốn và lãi cho ông U một lần.

Nay ông Huỳnh Văn U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị Đoan T có nghĩa vụ trả cho ông U số tiền vay nợ gốc của 07 lần tổng cộng là 1.100.000.000 đồng và lãi suất chậm trả là 01%/tháng tính từ lần vay sau cùng là ngày 23/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 13/5/2022 (tính tròn 29 tháng). Cụ thể là $1.100.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 29 \text{ tháng} = 319.000.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 1.419.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Lê Thị Mỹ T rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bà T trả số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 24/8/2019 và thay đổi yêu cầu về trả lãi chậm trả là mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ để ông U chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm có: (1) Giấy mượn tiền, đề ngày 24/5/2019; (2) Giấy mượn tiền, đề ngày 16/6/2019; (3) Giấy mượn tiền, đề ngày 21/6/2019; (4) Giấy mượn tiền, đề ngày 25/10/2019; (5) Giấy mượn tiền, đề ngày 15/11/2019; (6) Giấy mượn tiền, đề ngày 23/11/2019. Ngoài ra, ông U không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để giao nộp cho Tòa án và cũng không có người làm chứng hay người tham gia tố tụng nào khác để đề nghị Tòa án triệu tập.

- *Đối với bị đơn Hồ Thị Đoan T:* Bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên họp; đồng thời, bà T cũng không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Tuy nhiên, việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn U. Buộc bà Hồ Thị Đoan T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn U số tiền nợ gốc tổng cộng là 1.050.000.000 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét thấy, bị đơn Hồ Thị Đoan T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tiến hành xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc:

[2.1.1] Theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xác định chứng cứ, đó là: *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc do*

cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận”. Theo đó, nguyên đơn Huỳnh Văn U cung cấp bản chính (1) Giấy mượn tiền đề ngày 24/5/2019 thể hiện bị đơn Hồ Thị Đoan T có mượn ông U số tiền 100.000.000 đồng, (2) Giấy mượn tiền đề ngày 16/6/2019 thể hiện bà T có mượn ông U số tiền 150.000.000 đồng, (3) Giấy mượn tiền đề ngày 21/6/2019 thể hiện bà T có mượn ông U số tiền tổng cộng 150.000.000 đồng, (4) Giấy mượn tiền đề ngày 25/10/2019 thể hiện bà T có mượn ông U số tiền 100.000.000 đồng, (5) Giấy mượn tiền đề ngày 15/11/2019 thể hiện bà T có mượn tiền của ông U số tiền 300.000.000 đồng và (6) Giấy mượn tiền đề ngày 23/11/2019 thể hiện bà T có mượn ông U số tiền 250.000.000 đồng. Đồng thời, bà T có ký xác nhận đối với các giấy mượn tiền nêu trên. Như vậy, bản chính các giấy mượn tiền nêu trên là tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.1.2] Tại phiên tòa, ông U và người đại diện theo ủy quyền của ông U là chị Lê Thị Mỹ T rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bà T trả số tiền vay 50.000.000 đồng ngày 24/8/2019. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2.1.3] Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Và khoản 4 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Theo đó, bị đơn Hồ Thị Đoan T đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Hơn nữa, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và gửi kèm theo bản sao các giấy mượn tiền mà nguyên đơn Huỳnh Văn U giao nộp cho Tòa án. Thế nhưng, bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có ý kiến phản bác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự và cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Điều này cho thấy, bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình và không phản đối đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh thì phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự được quy định tại khoản 25 Điều 70 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Về yêu cầu trả số tiền nợ lãi chậm trả:

[2.2.1] Ông U cho rằng mặc dù các giấy mượn tiền đều không có ghi lãi suất, nhưng ông U với bà T có thỏa thuận bằng lời nói là ông U cho bà T vay với lãi suất là 03%/tháng/1.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông U và người đại diện theo ủy quyền của ông U là chị Lê Thị Mỹ T thay đổi yêu cầu về trả lãi chậm trả với mức lãi suất 0,83%/tháng và thời gian tính lãi theo quy định của pháp luật.

[2.2.2] Xét thấy, các giấy mượn tiền đều không thể hiện lãi suất cho vay mà chỉ thể hiện nội dung bà T có mượn tiền của ông U, nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất là 0,83%/tháng (tức 10%/năm) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Đồng thời, các lần vay ngày 24/5, 16/6 và 21/6/2019 bà T có ghi vào các giấy mượn tiền thời hạn vay, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận thời điểm tính lãi chậm trả kể từ ngày hết thời hạn thỏa thuận. Tuy nhiên, đối với các lần vay ngày 25/10, 15/11 và 23/11/2019 nội dung thời hạn vay là do ông U viết, nên chỉ có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận thời điểm tính lãi suất chậm trả từ ngày ông U nộp đơn khởi kiện là phù hợp với quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2.2.3] Cụ thể: (1) Lần vay ngày 24/5/2019: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 34,03 \text{ tháng} = 28.244.900 \text{ đồng}$; (2) Lần vay ngày 16/6/2019: $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 32,37 \text{ tháng} = 40.300.650 \text{ đồng}$; (3) Lần vay ngày 21/6/2019: $150.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 32,2 \text{ tháng} = 40.089.000 \text{ đồng}$; (4) Lần vay ngày 25/10/2019: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 6,9 \text{ tháng} = 5.727.000 \text{ đồng}$; (5) Lần vay ngày 15/11/2019: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 6,9 \text{ tháng} = 17.181.000 \text{ đồng}$; (6) Lần vay ngày 23/11/2019: $250.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 6,9 \text{ tháng} = 14.317.500 \text{ đồng}$. Do đó, bà T có nghĩa vụ trả lãi cho ông U số tiền nợ lãi tổng cộng là 145.860.000 đồng.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn và phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Văn U được chấp nhận và bị đơn Hồ Thị Đoan T không thuộc trường hợp không phải chịu hoặc miễn, giảm án phí theo quy định tại các điều 11, 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do đó, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147

của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Huỳnh Văn U và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Lê Thị Mỹ T có mặt tại phiên tòa, nên nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn Hồ Thị Đoan T vắng mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 và khoản 25 Điều 70, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 95, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn U.
2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn U về việc yêu cầu bà Hồ Thị Đoan T có nghĩa vụ trả cho ông U số tiền nợ vay 50.000.000 đồng ngày 24/8/2019.
3. Buộc bà Hồ Thị Đoan T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn U số tiền nợ gốc là 1.050.000.000 đồng và nợ lãi là 145.860.000 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là 1.195.860.000 đồng (Một tỷ, một trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Bà Hồ Thị Đoan T phải chịu 47.875.800 đồng (Bốn mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn U số tiền 25.470.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn đồng) mà ông U đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002040, ký hiệu biên lai 14BE-21, quyển số 0041, ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo:

- Ông Huỳnh Văn U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Bà Hồ Thị Đoan T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Thành Nhân